



**Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế  
Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ  
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)

Quý III năm 2018



## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	7 - 38

300  
CỘ  
CỔ  
NG  
XU  
AN  
31A  
CU

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Ngày 30 tháng 9 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>3.475.750.246</b>	<b>988.041.722</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>328.888.042</b>	<b>24.413.533</b>
111	1. Tiền		328.888.042	24.413.533
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>3.094.122.839</b>	<b>947.187.168</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	280.141.592	202.555.014
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.456.530.189	237.014.145
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	83.586.376	10.302.285
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.273.864.682	497.315.724
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>		<b>42.665.626</b>	<b>13.194.564</b>
141	1. Hàng tồn kho	9	43.069.074	13.570.601
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	9	(403.448)	(376.037)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>10.073.739</b>	<b>3.246.457</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	105.233	34.610
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	19	9.675.284	2.926.016
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	19	293.222	285.831
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>18.660.242.892</b>	<b>17.185.941.614</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>7.068.630.396</b>	<b>5.746.922.974</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	5.616.943.968	4.491.728.289
216	2. Phải thu dài hạn khác	10	1.451.686.428	1.255.194.685
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>51.593.985</b>	<b>27.270.615</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	31.650.662	2.840.044
222	Nguyên giá		51.902.659	22.319.279
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(20.251.997)	(19.479.235)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	19.943.323	24.430.571
228	Nguyên giá		48.197.185	48.197.185
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(28.253.862)	(23.766.614)
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>11.534.742.539</b>	<b>11.410.317.157</b>
251	1. Đầu tư vào các công ty con	13.1	11.371.623.485	11.188.437.485
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	13.2	286.004.636	286.004.636
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	13.1	(122.885.582)	(64.124.964)
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>5.275.972</b>	<b>1.430.868</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	5.275.972	1.430.868
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>22.135.993.138</b>	<b>18.173.983.336</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 9 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>10.842.182.927</b>	<b>8.155.765.381</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>4.534.972.801</b>	<b>2.381.561.153</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	81.954.299	168.392.727
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	22.949.477	115.201.505
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	89.179	183.501
314	4. Phải trả người lao động		3.839.478	279.547
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	408.530.624	400.538.772
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	516.000.928	1.293.391.795
320	7. Vay ngắn hạn	20	3.501.608.816	403.573.306
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>6.307.210.126</b>	<b>5.774.204.228</b>
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	17	274.500.601	678.380.824
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	992.739.591	-
338	3. Vay dài hạn	20	5.039.969.934	5.095.823.404
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>21</b>	<b>11.293.810.211</b>	<b>10.018.217.955</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>11.293.810.211</b>	<b>10.018.217.955</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		8.868.438.950	7.671.438.950
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		8.868.438.950	7.671.438.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.064.550.810	1.064.550.810
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.360.820.451	1.282.228.195
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.281.688.195	1.291.389.245
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		79.132.256	(9.161.050)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>22.135.993.138</b>	<b>18.173.983.336</b>



Phạm Thị Lưu Ly  
Người lập

Ngày 30 tháng 10 năm 2018



Hồ Thị Tuyết Loan  
Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh  
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
Quý III năm 2018

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	352.996.880	231.416.401	1.251.167.051	737.303.118
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	352.996.880	231.416.401	1.251.167.051	737.303.118
11	3. Giá vốn hàng bán	23	(322.486.184)	(211.562.915)	(1.093.628.295)	(583.449.401)
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		30.510.696	19.853.486	157.538.756	153.853.717
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	127.515.226	139.775.070	443.008.763	427.564.694
22	6. Chi phí tài chính	24	(128.148.235)	(123.953.278)	(408.085.637)	(563.881.101)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(126.646.257)	(120.902.567)	(342.522.863)	(425.858.610)
25	7. Chi phí bán hàng		(19.726.526)	(10.187.758)	(51.798.623)	(36.517.845)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(8.322.193)	(9.515.408)	(65.849.603)	(22.001.294)
30	9. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		1.828.968	15.972.112	74.813.656	(40.981.829)
31	10. Thu nhập khác	25	2.971.990	14.049.588	13.508.850	17.199.234
32	11. Chi phí khác	25	(3.190.733)	(895.425)	(9.190.250)	(2.781.729)
40	12. Lợi nhuận khác	25	(218.743)	13.154.163	4.318.600	14.417.505



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2018

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
50	13. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		1.610.225	29.126.275	79.132.256	(26.564.324)
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	-	-	-	-
60	15. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.610.225	29.126.275	79.132.256	(26.564.324)




Phạm Thị Lưu Ly  
Người lập

Ngày 30 tháng 10 năm 2018



Hồ Thị Tuyết Loan  
Kế toán trưởng



  
Võ Thị Mỹ Hạnh  
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
 Quý III năm 2018

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận (lỗ) trước thuế</b>		<b>79.132.256</b>	<b>(26.564.324)</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	11,12	5.366.585	6.616.477
03	Các khoản dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		58.788.029	(68.684.394)
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		315.006	497.245
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(443.008.763)	(228.850.739)
06	Chi phí lãi vay		349.164.545	432.469.503
<b>08</b>	<b>Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>49.757.658</b>	<b>115.483.768</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(1.277.568.142)	(320.824.903)
10	Tăng hàng tồn kho		(29.498.473)	(39.963.640)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(503.296.682)	300.629.446
12	Tăng chi phí trả trước		(3.915.727)	(1.086.734)
14	Tiền lãi vay đã trả		(677.232.115)	(154.570.251)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>(2.441.753.481)</b>	<b>(100.332.314)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		-	(13.083.561)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		113.925	736.065
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		(76.609.825)	-
24	Tiền thu hồi cho vay		13.200.000	376.707.754
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		-	(750.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		-	1.330.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		107.243.951	236.208
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>43.948.051</b>	<b>1.693.846.466</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		4.537.207.835	1.187.819.039
34	Tiền trả nợ gốc vay, mượn		(1.834.931.287)	(2.924.542.855)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính</b>		<b>2.702.276.548</b>	<b>(1.736.723.816)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2018

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		304.471.118	(143.209.664)
60	Tiền đầu kỳ	4	24.413.533	144.092.732
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		3.391	-
70	Tiền cuối kỳ	4	328.888.042	883.068



Phạm Thị Lưu Ly  
 Người lập

Ngày 30 tháng 10 năm 2018



Hồ Thị Tuyết Loan  
 Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh  
 Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm 2018

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười sáu (16) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015.

Vào ngày 30 tháng 3 năm 2018, Công ty đã nhận Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần thứ mười sáu, tăng vốn điều lệ từ bảy ngàn sáu trăm bảy mươi một tỷ đồng lên tám ngàn tám trăm sáu mươi tám tỷ đồng.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai có tỷ lệ sở hữu là 57,81% vào ngày 30 tháng 9 năm 2018.

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2018, Công ty có mười một (11) công ty con trực tiếp, mười (10) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và một (1) chi nhánh.

Vào ngày 18 tháng 8 năm 2018, Công ty có thành lập chi nhánh Công ty cổ phần Nông Nghiệp Quốc Tế Hoàng Anh Gia Lai – Chi nhánh chế biến Hoa Quả theo giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động kinh doanh số 5900712753-001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp.

Hoạt động chính theo giấy phép của Công ty là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan.

Công ty có trụ sở chính tại số 15 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam (“Ngàn VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2018

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung

**2.3 Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính tổng hợp quý III năm 2018 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018.

**2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do bộ tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

**3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa

- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2018

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

*Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 5 năm
Phần mềm vi tính	5 - 8 năm

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2018

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào các công ty con*

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành lần lượt vào ngày 7 tháng 12 năm 2009 và ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ theo nguyên tắc sau :

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Quý III năm 2018

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Phân phối lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.13 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.14 Thuế**

*Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2018

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Thuế (tiếp theo)**

tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

**3.15 Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**4. TIỀN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Tiền gửi ngân hàng	328.669.642	24.126.743
Tiền mặt tại quỹ	218.400	286.790
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>328.888.042</b>	<b>24.413.533</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2018

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	251.261.650	91.062.612
Phải thu các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 27</i> )	28.879.942	111.492.402
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>280.141.592</u></b>	<b><u>202.555.014</u></b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	8.173.246	11.559.824
Trả trước các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 27</i> )	1.448.356.943	225.454.321
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.456.530.189</u></b>	<b><u>237.014.145</u></b>

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Ngắn hạn</b>	<b>83.586.376</b>	<b>10.302.285</b>
Cho vay ngắn hạn bên thứ ba	73.000.000	-
Cho vay ngắn hạn bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 27</i> )	10.586.376	10.302.285
<b>Dài hạn</b>	<b>5.616.943.968</b>	<b>4.491.728.289</b>
Cho vay ngắn hạn bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 27</i> )	5.616.943.968	4.491.728.289
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.700.530.344</u></b>	<b><u>4.502.030.574</u></b>

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải thu các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 27</i> )	1.228.917.376	459.639.963
Các khoản khác	44.947.306	37.675.761
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.273.864.682</u></b>	<b><u>497.315.724</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2018

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Hàng hóa	35.710.000	13.307.332
Công cụ, dụng cụ	4.609.718	161.438
Nguyên vật liệu	510.226	101.831
Sản xuất kinh doanh dở dang	2.239.130	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(403.448)	(376.037)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>42.665.626</u></b>	<b><u>13.194.564</u></b>

**10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải thu bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 27</i> )	1.451.686.428	1.250.194.685
Các khoản khác	-	5.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.451.686.428</u></b>	<b><u>1.255.194.685</u></b>





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2018

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

						Ngàn VND	
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>	
<b>Nguyên giá</b>							
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	-	17.006.392	4.990.704	322.183	-	22.319.279	
Mua sắm mới	19.287.299	10.378.248	-	-	138.333	29.803.880	
Thanh lý, nhượng bán	-	(220.500)	-	-	-	(220.500)	
Ngày 30 tháng 9 năm 2018	<u>19.287.299</u>	<u>27.164.140</u>	<u>4.990.704</u>	<u>322.183</u>	<u>138.333</u>	<u>51.902.659</u>	
<b>Khấu hao lũy kế</b>							
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	-	(16.273.598)	(2.914.817)	(290.820)	-	(19.479.235)	
Tăng trong kỳ	(150.786)	(232.763)	(488.828)	(6.136)	(824)	(879.337)	
Thanh lý, nhượng bán	-	106.575	-	-	-	106.575	
Ngày 30 tháng 9 năm 2018	<u>(150.786)</u>	<u>(16.399.786)</u>	<u>(3.403.645)</u>	<u>(296.956)</u>	<u>(824)</u>	<u>(20.251.997)</u>	
<b>Giá trị còn lại</b>							
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	-	732.794	2.075.887	31.363	-	2.840.044	
Ngày 30 tháng 9 năm 2018	<u>19.136.513</u>	<u>10.764.354</u>	<u>1.587.059</u>	<u>25.227</u>	<u>137.509</u>	<u>31.650.662</u>	



# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2018

## 12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Ngàn VND</i> <i>Phần mềm</i> <i>máy tính</i>
<b>Nguyên giá</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>48.197.185</u>
Ngày 30 tháng 9 năm 2018	<u>48.197.185</u>
<b>Hao mòn lũy kế</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	(23.766.614)
Tăng trong kỳ	<u>(4.487.248 )</u>
Ngày 30 tháng 9 năm 2018	<u>(28.253.862 )</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>24.430.571</u>
Ngày 30 tháng 9 năm 2018	<u>19.943.323</u>

590  
CỔ  
CỔ  
ÔNG  
QU  
DÂN  
GIA  
IKU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2018

**13. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT**

**13.1 Đầu tư vào công ty con**

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 9 năm 2018			Ngày 31 tháng 12 năm 2017		
		Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, chăn nuôi bò và xây dựng	100,00	2.101.029.560	-	100,00	2.101.029.560	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Trồng cây công nghiệp	100,00	943.513.646	-	100,00	943.513.646	-
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, và chăn nuôi bò	97,77	440.512.398	-	97,77	440.512.398	-
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, và chăn nuôi bò	99,91	3.277.737.120	-	99,91	3.277.737.120	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Trồng cây công nghiệp và bất động sản	99,53	394.313.155	(26.952.420)	99,53	394.313.155	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Trồng cây công nghiệp	100,00	171.654.457	-	100,00	171.654.457	-
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Chăn nuôi	99,00	615.584.549	-	99,00	615.584.549	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Thương mại	100,00	100.000.000	(95.933.162)	100,00	100.000.000	(64.124.964)
Công ty Cổ phần Đông Pênh	Trồng cây công nghiệp	99,70	798.397.600	-	99,70	798.397.600	-
Công ty Cổ phần An Đông Mía (*)	Trồng cây công nghiệp	99,50	878.881.000	-	69,50	695.695.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Trồng cây công nghiệp	100,00	1.650.000.000	-	100,00	1.650.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>11.371.623.485</b>	<b>(122.885.582)</b>		<b>11.188.437.485</b>	<b>(64.124.964)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2018

**13. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)**

**13.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)**

(\*) Trong kỳ, Công ty đã mua lại 30% cổ phần Công ty Cổ phần An Đông Mía từ Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai, tăng tỷ lệ sở hữu từ 69,50% lên 99,50%.

**13.2 Đầu tư vào công ty liên kết**

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 9 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư
		%	Ngàn VND	%	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng cây cao su	49,14	<u>286.004.636</u>	49,14	<u>286.004.636</u>

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Chi phí trả trước ngắn hạn	105.233	34.610
Chi phí trả trước dài hạn	<u>5.275.972</u>	<u>1.430.868</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.381.205</u></b>	<b><u>1.465.478</u></b>

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải trả mua hàng hóa và dịch vụ	<u>81.954.299</u>	<u>168.392.727</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>81.954.299</u></b>	<b><u>168.392.727</u></b>

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan là 59.395.003 ngàn VND (Thuyết minh số 27).

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Người mua trả tiền trước hàng hóa	<u>22.949.477</u>	<u>115.201.505</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>22.949.477</u></b>	<b><u>115.201.505</u></b>

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, người mua trả tiền trước bao gồm các khoản người mua trả tiền trước các bên liên quan là 16.743.867 ngàn VND (Thuyết minh số 27).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Quý III năm 2018

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Trình bày lại)
<b>Ngắn hạn</b>	<b>408.530.624</b>	<b>400.538.772</b>
Chi phí lãi vay	177.838.488	211.359.369
Chi phí khác	230.692.136	189.179.403
<b>Dài hạn</b>	<b>274.500.601</b>	<b>678.380.824</b>
Chi phí lãi vay	274.500.601	678.380.824
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>683.031.225</b>	<b>1.078.919.596</b>

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Trình bày lại)
<b>Ngắn hạn</b>	<b>516.000.928</b>	<b>1.293.391.795</b>
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 27)	78.933.111	573.750.000
Phải trả khác bên thứ ba	437.067.817	719.641.795
<b>Dài hạn</b>	<b>992.739.591</b>	-
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 27)	992.739.591	-
Phải trả khác bên thứ ba	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.508.740.519</b>	<b>1.293.391.795</b>

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Phải thu</b>	<b>9.968.506</b>	<b>3.211.847</b>
Thuế GTGT	9.675.284	2.926.016
Thuế TNDN	285.831	285.831
Thuế xuất khẩu	7.391	-
<b>Phải trả</b>	<b>89.179</b>	<b>183.501</b>
Thuế TNCN	89.179	183.501
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.879.327</b>	<b>3.028.346</b>

20. VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>3.501.608.816</b>	<b>403.573.306</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 20.1)	543.988.606	299.597.754
Vay ngắn hạn cá nhân và công ty (Thuyết minh số 20.2)	400.000.000	12.091.300
Vay trái phiếu chuyển đổi (Thuyết minh số 20.2)	2.216.753.042	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2018

20. VAY (tiếp theo)

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Vay ngắn hạn (tiếp theo)</b>		
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 20.3)	5.311.369	5.167.052
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả (Thuyết minh số 20.4)	335.555.799	86.717.200
<b>Vay dài hạn</b>	<b>5.039.969.934</b>	<b>5.095.823.404</b>
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 20.3)	1.001.493.041	981.412.195
Vay dài hạn trái phiếu (Thuyết minh số 20.4)	1.744.807.089	2.030.418.476
Vay dài hạn bên liên quan (Thuyết minh số 20.5)	2.293.669.804	2.083.992.733
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.541.578.750</b>	<b>5.499.396.710</b>

20.1 Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Tiên Phong ("TPBank"), Hà Nội	543.988.606	299.597.754
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>543.988.606</b>	<b>299.597.754</b>

20.2 Các khoản vay ngắn hạn cá nhân và công ty

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	-	12.091.300
Trái phiếu chuyển đổi	2.216.753.042	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	400.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.616.753.042</b>	<b>12.091.300</b>

20.3 Các khoản vay dài hạn ngân hàng

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV"), Chi nhánh Gia Lai	744.349.805	724.124.642
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank"), Chi nhánh Sài Gòn	262.454.605	262.454.605
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.006.804.410</b>	<b>986.579.247</b>
Trong đó:		
Vay dài hạn	1.001.493.041	981.412.195
Vay dài hạn đến hạn trả	5.311.369	5.167.052

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2018

20. VAY (tiếp theo)

20.4 Trái phiếu thường

Chi tiết trái phiếu thường trong nước vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 được trình bày như sau:

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Mệnh giá "Trái phiếu 1.700"	1.694.000.000	1.694.000.000
Mệnh giá "Trái phiếu 431"	387.617.068	431.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(1.254.180)	(7.864.325)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.080.362.888</b>	<b>2.117.135.675</b>
<i>Trong đó :</i>		
<i>Trái phiếu dài hạn đến hạn trả</i>	335.555.799	86.717.200
<i>Vay dài hạn trái phiếu</i>	1.744.807.089	2.030.418.475

**Trái phiếu 1700**

Vào ngày 17 tháng 11 năm 2015, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 1.700 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 01 (một) tỷ VND) do Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCaptital ("ECS") thu xếp phát hành. Trái phiếu được trả lãi định kỳ ba (3) tháng một lần với lãi suất là 10,50% một năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo bằng tổng của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh sở Giao Dịch cộng với biên độ 4,5% một năm.

Mục đích phát hành trái phiếu này là để cơ cấu lại một phần nợ gốc trái phiếu có tổng mệnh giá 2.000 tỷ VND được phát hành tháng 12 năm 2012; bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Nhóm Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc cao su, cọ dầu, mía đường tại Campuchia và Lào; bổ sung vốn lưu động và đầu tư cho các dự án khác của Nhóm Công ty. Các trái phiếu nói trên được đảm bảo bằng 150.717.250 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai - Công ty mẹ (Trong đó, 16.000.000 cổ phiếu HNG đã được dùng để đảm bảo cho trái phiếu có tổng mệnh giá 600 tỷ VND – Trái phiếu HAGL 600 do HAG phát hành).

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2018, các trái phiếu này được sở hữu bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân ("NCB") và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng ("VPBank") với số tiền lần lượt là 300 tỷ VND và 1.400 tỷ VND, chịu lãi suất từ 11,1% đến 12% một năm trong kỳ này. Trong đó Trái phiếu nắm giữ bởi VPBank đã được gia hạn thời gian hoàn trả và thời gian hoàn trả mới là từ ngày 17 tháng 08 năm 2019 đến ngày 17 tháng 12 năm 2021; Trái phiếu nắm giữ bởi NCB được gia hạn thời gian hoàn trả và thời gian hoàn trả mới là từ ngày 17 tháng 02 năm 2019 đến 17 tháng 12 năm 2021.

**Trái phiếu 457**

Vào ngày 27/12/2016 và ngày 29/12/2016, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng đặt mua lần lượt 290 trái phiếu và 141 trái phiếu do Công ty phát hành, mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 01 (một) tỷ VND. Trái phiếu được trả lãi định kỳ ba (3) tháng một (01) lần, bắt đầu trả lãi vào ngày 27/3/2018, số tiền lãi trái phiếu được ân hạn sẽ được chia làm bốn (04) và được thanh toán vào ngày 27 của các tháng ba (3), sáu (6), chín (9) và mười hai (12) năm 2018. Lãi suất áp dụng cho ba (03) kỳ tính lãi đầu tiên cố định là 10,5%/năm, lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo được xác định bằng lãi suất tiền gửi cá nhân bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cộng biên độ 4%/năm. Mục đích phát hành trái phiếu đợt này là để cơ cấu nợ lãi trái phiếu. Các trái phiếu nói trên được đảm bảo bằng 166.345.440 cổ phiếu (đồng thể chấp cho Trái phiếu 1700) của Công ty (HNG) được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (Công ty mẹ); toàn bộ quyền thuê, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với 7.376,08

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2018

**20. VAY (tiếp theo)**

**20.4 Trái phiếu thường (tiếp theo)**

hecta tại huyện Lumphat, tỉnh Rattanakiri thuộc sở hữu của Công ty TNHH Daun Penh Agrico và 4.700.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của ông Đoàn Nguyễn Đức.

**Trái phiếu chuyển đổi**

Vào ngày 24 tháng 05 năm 2018 Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng Số 27/GCN – UBCK phát hành trái phiếu chuyển đổi và không có tài sản đảm bảo với tổng giá trị là 2.217 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 10 triệu VND) do Công ty Cổ Phần Chứng Khoán VNDirect tư vấn phát hành, mục đích của việc phát hành trái phiếu này là đầu tư trồng mới, chăm sóc cây ăn trái và tái cơ cấu tài chính. Đến ngày 07 tháng 08 năm 2018, toàn bộ số lượng trái phiếu chuyển đổi của Công ty đã được chào bán thành công; Trái phiếu có thời hạn là 1 năm và lãi suất 0%. Vào ngày đáo hạn, tổ chức phát hành sẽ thực hiện việc phát hành cổ phần chuyển đổi và tăng vốn điều lệ tương ứng với số cổ phần chuyển đổi trên. Đồng thời tổ chức phát hành cũng sẽ thực hiện niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, đăng ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Giá chuyển đổi được xác định bằng 10.000 đồng/ cổ phần; Các cổ phần chuyển đổi sẽ có giá trị ngang bằng với tất cả các cổ phần đang lưu hành khác về tất cả các khía cạnh, tất cả trái phiếu được chuyển đổi thành cổ phần sẽ ngay lập tức được hủy bỏ và không được tái phát hành hoặc bán lại.

**20.5 Các khoản vay dài hạn bên liên quan**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (Công ty mẹ)	2.293.669.804	1.957.824.733
Công ty Cổ phần Thủy Điện Hoàng Anh Gia Lai (Bên liên quan)	-	126.168.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.293.669.804</b>	<b>2.083.992.733</b>





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2018

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**21.1 Tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<i>Ngàn VND</i>				
<b>Quý III năm 2017</b>				
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2016	7.671.438.950	1.064.550.810	1.291.389.245	10.027.379.005
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	(26.564.324)	(26.564.324)
<b>Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2017</b>	<b>7.671.438.950</b>	<b>1.064.550.810</b>	<b>1.264.824.921</b>	<b>10.000.814.681</b>
<b>Quý III năm 2018</b>				
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2017	7.671.438.950	1.064.550.810	1.282.228.195	10.018.217.955
Phát hành cổ phiếu hoán đổi nợ vay (i)	1.197.000.000	-	-	1.197.000.000
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	79.132.256	79.132.256
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(540.000)	(540.000)
<b>Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2018</b>	<b>8.868.438.950</b>	<b>1.064.550.810</b>	<b>1.360.820.451</b>	<b>11.293.810.211</b>

(i) Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường với hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 1909/17/NQĐHĐCĐ-HAGL Agrico ngày 19 tháng 9 năm 2017, Công ty đã phát hành riêng lẻ 119.700.000 cổ phiếu để hoán đổi nợ vay thành vốn cổ phần với giá phát hành theo mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Vào ngày 05 tháng 3 năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc phát hành riêng lẻ 119.700.000 cổ phiếu để hoán đổi nợ vay thành vốn cổ phần.

Vào ngày 30 tháng 3 năm 2018, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900712753 thay đổi lần thứ 16 ngày 30 tháng 3 năm 2018 với nội dung thay đổi vốn điều lệ từ lên 7.671.438.950 ngàn VND lên 8.868.438.950 ngàn VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2018

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**21.2 Chi tiết vốn cổ phần của chủ sở hữu**

Cổ đông	Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh			Vốn cổ phần đã góp
	Số cổ phần	Ngàn VND	%	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	512.665.840	5.126.658.400	57,81	5.126.658.400
Cổ đông khác	374.178.055	3.741.780.550	42,19	3.741.780.550
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>886.843.895</b>	<b>8.868.438.950</b>	<b>100,00</b>	<b>8.868.438.950</b>

**21.3 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	886.843.895	767.143.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	886.843.895	767.143.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	886.843.895	767.143.895
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	886.843.895	767.143.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	886.843.895	767.143.895
Trong đó:	886.843.895	767.143.895
<i>Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng</i>	767.143.895	767.143.895
<i>Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng (*)</i>	119.700.000	-

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

(\*) Thời hạn hạn chế chuyển nhượng là 1 năm kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2018 đến ngày 05 tháng 3 năm 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2018

**22. DOANH THU**

**22.1 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Ngàn VND			
	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần bán hàng hóa, dịch vụ	352.996.880	231.416.401	1.251.167.051	737.303.118
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>352.996.880</b>	<b>231.416.401</b>	<b>1.251.167.051</b>	<b>737.303.118</b>

**22.2 DOANH THU TÀI CHÍNH**

	Ngàn VND			
	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Cổ tức	10.457.823	-	59.462.823	-
Lãi cho vay	116.469.609	139.457.947	382.907.220	427.065.889
Lãi tiền gửi ngân hàng	587.794	98.866	638.720	236.208
Chênh lệch tỷ giá	-	218.257	-	262.597
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>127.515.226</b>	<b>139.775.070</b>	<b>443.008.763</b>	<b>427.564.694</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2018

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Ngàn VND			
	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ	322.486.184	211.562.915	1.093.628.295	583.449.401
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>322.486.184</b>	<b>211.562.915</b>	<b>1.093.628.295</b>	<b>583.449.401</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Ngàn VND			
	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	126.646.257	120.902.567	342.522.863	425.858.610
Lỗ thanh lý khoản đầu tư vào Công ty con	-	-	-	46.083.350
Chênh lệch tỷ giá	(765.955)	599.476	151.673	955.333
Chi phí phát hành trái phiếu	2.259.132	2.227.591	6.641.682	6.610.893
Dự phòng các khoản đầu tư	-	-	58.760.618	(68.684.394)
Khác	8.801	223.644	8.801	153.057.309
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>128.148.235</b>	<b>123.953.278</b>	<b>408.085.637</b>	<b>563.881.101</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2018

**25. CÁC KHOẢN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	Ngàn VND			
	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>2.971.990</b>	<b>14.049.588</b>	<b>13.508.850</b>	<b>17.199.234</b>
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	82.308	-	82.392
Thu tiền vi phạm hợp đồng	-	13.500.411	-	13.500.411
Các khoản khác	2.971.990	466.869	13.508.850	3.616.431
<b>Chi phí khác</b>	<b>3.190.733</b>	<b>895.425</b>	<b>9.190.250</b>	<b>2.781.729</b>
Chi phí vi phạm hợp đồng	218.745	6.590	1.408.529	115.674
Các khoản khác	2.971.988	888.835	7.781.721	2.666.055
<b>LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC</b>	<b>(218.743)</b>	<b>13.154.163</b>	<b>4.318.600</b>	<b>14.417.505</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2018

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ thuế hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Thuế TNDN hiện hành**

	Ngàn VND	
	Quý III năm 2018	Quý III năm 2017 (Trình bày lại, thuyết minh 28)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>79.132.256</b>	<b>(26.564.324)</b>
Thu nhập cổ tức	(59.462.823)	-
Tiền phạt	1.408.530	-
Chi phí không đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ	2.131.125	69.349.147
Chi phí lãi vay không được khấu trừ	-	-
Lỗi năm trước chuyển sang	(23.209.088)	(42.784.823)
<b>Thu nhập tính thuế ước tính trong kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	(285.831)	(285.831)
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	-	-
<b>Thuế TNDN trả trước cuối kỳ</b>	<b>(285.831)</b>	<b>(285.831)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2018

**27. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN**

Các giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VND Số dư</i>
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Trả gốc vay	876.325.704
		Vay tiền	734.022.833
		Trả lãi vay	372.868.453
		Chi phí lãi vay	57.160.389
		Mua TSCĐ	2.836.500
		Chi hộ	119.267
		Mua hàng hóa	81.575
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua nhiên liệu, dịch vụ	16.622.356
		Mua hàng hóa	12.603.282
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi cho vay	8.529.348
		Bán hàng hóa	2.787.017
		Mua hàng hóa	2.195.724
		Khác	730.550
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	75.234.120
Công ty TNHH Phát triển Nông Nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Mua hàng hóa	222.082.602
		Lãi cho vay	130.131.665
		Bán hàng hóa	102.696.379
		Chi hộ	15.073.237
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	75.406.379
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Cổ tức	49.005.000
		Bán hàng hóa, dịch vụ	8.973.570
		Mua hàng hóa	8.008.045
		Khác	970.180
		Chi hộ	125.000
		Bán TSCĐ	113.925
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Công ty con	Lãi cho vay	456.472
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	15.470.933
		Bán hàng hóa, dịch vụ	9.672.308
		Khác	1.963.670
Công ty Cổ phần Thủy Điện Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Chi phí lãi vay	1.577.100

2753  
TY  
AN  
HIỆ  
TẾ  
ANH  
AI  
T.G.V

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2018

**27. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018 như sau (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VND Số dư</i>
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	92.480.693
		Bán hàng hóa,	22.444.166
		dịch vụ	15.066.109
		Chi phí lãi vay	3.867.450
		Khác	13.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động sản An Phú	Bên liên quan	Lãi cho vay	10.500.000
Công ty TNHH MTV PTNN Đại Thắng	Bên liên quan	Mua hàng hóa	63.871.886
		Bán hàng hóa	28.600.327
		Chi hộ	363.172
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	66.381.288
		Cho mượn	84.000
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lum Phát	Công ty con	Mua hàng hóa	4.751.383
Chi nhánh Nguyên vật liệu - Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa,	3.979.413
		dịch vụ	2.168.850
Chi nhánh Cơ khí - Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	34.661.815
Chi nhánh Khách sạn - Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua dịch vụ	763.684
		Bán hàng hóa	16.991
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai - CN Chế Biến Hoa Quả Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua CCDC, TSCĐ	31.909.878
		Mua dịch vụ,	18.452.333
		vật tư	10.584.796
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Mua hàng hóa	250.577.008
		Bán hàng hóa	15.138.697
		Chi hộ	3.625.393
Công ty TNHH Công nghiệp Và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Mua hàng hóa	60.760.614
		Bán hàng hóa	13.477.253
		Chi hộ	1.182.142
Công ty TNHH Bình Phước Kratie	Công ty con	Mua hàng hóa	65.148.416
		Chi hộ	2.044.182



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2018

**27. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018 như sau (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VND Số dư</i>
Công ty TNHH Daun Penh Agrico	Công ty con	Mua hàng hóa	66.025.850
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Bên liên quan	Chi phí lãi vay	3.219.895
Công ty Cổ phần Gõ Hoàng	Bên liên quan	Cho mượn	18.000.000

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 như sau:

***Phải thu ngắn hạn khách hàng***

Công ty TNHH PTNN Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa	14.686.846
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Bán hàng hóa	5.415.911
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	3.345.017
Công ty TNHH PTNN Đại Thắng	Bên liên quan	Bán hàng hóa	1.651.068
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Bán hàng hóa	1.556.379
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Bán hàng hóa	1.212.828
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Bán hàng hóa	898.126
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai - CN Chế Biến Hoa Quả Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	101.880
Chi nhánh Khách sạn - Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	11.887

**TỔNG CỘNG**

**28.879.942**

***Phải thu về cho vay ngắn hạn***

Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	10.586.376
---	-------------	---------	------------

**TỔNG CỘNG**

**10.586.376**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2018

**27. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 như sau (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VND Số dư</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác</i></b>			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Quỹ khen thưởng	2.065.085
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Cán trừ Cổ tức phải thu Khác Cho mượn	596.859.667 19.507.500 6.391.704 42.000
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Khác Cán trừ	410.633.746 78.933.111
Công ty Cổ phần An Đông Mía Việt Nam	Công ty con	Cán trừ	38.415.501
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cán trừ	23.404.454
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cán trừ Khác	12.961.939 5.406.428
Công ty TNHH Daun Penh Agrico	Công ty con	Cán trừ	12.675.327
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Bên liên quan	Cổ tức phải thu	10.457.823
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Khác Cán trừ	3.836.838 3.277.087
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lum Phat	Công ty con	Khác	2.234.965
Công ty TNHH Bình Phước Kratie	Công ty con	Khác	1.010.529
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Khác	440.500
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Bên liên quan	Khác	363.172
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.228.917.376</b>
<b><i>Phải thu về cho vay dài hạn</i></b>			
Công ty TNHH Phát triển Nông Nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	3.061.617.448
Công ty TNHH Hoàng Anh	Công ty con	Cho vay	799.419.593

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2018  
 Oyadav

**27. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 như sau (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VND Số dư</i>
<b><i>Phải thu về cho vay dài hạn (tiếp theo)</i></b>			
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	748.654.354
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Cho vay	735.474.043
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Cho vay	173.395.050
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cho vay	90.307.655
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Công ty con	Cho vay	5.417.825
Công ty Cổ phần An Đông Mía Việt Nam	Công ty con	Cho vay	2.658.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>5.616.943.968</b>
<b><i>Phải thu dài hạn khác</i></b>			
Công ty TNHH Phát triển Nông Nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi vay	555.228.687
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Lãi vay	320.736.590
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi vay	294.569.270
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Lãi vay	260.801.232
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi vay	13.983.095
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Lãi vay	5.140.200
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Công ty con	Lãi vay	1.227.354
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.451.686.428</b>

**27. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 như sau (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VND Số dư</i>
<b><i>Ứng trước cho nhà cung cấp</i></b>			
Công ty TNHH Phát triển Nông Nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Mua hàng hóa	514.812.073
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Mua hàng hóa	204.098.311
Công ty TNHH Daun Penh Agrico	Công ty con	Mua hàng hóa	196.245.923
Công ty TNHH Công Nghiệp và Nông Nghiệp Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Mua hàng hóa	177.145.707
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Mua hàng hóa	106.932.887
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lum Phat	Công ty con	Mua hàng hóa	87.742.150
Công ty TNHH Bình Phước Kratie	Công ty con	Mua hàng hóa	73.600.353
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Bên liên quan	Mua hàng hóa	31.663.398
Công ty TNHH Heng Brothers	Công ty con	Mua hàng hóa	28.667.096
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Mua hàng hóa	13.463.237
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Mua hàng hóa	12.713.413
Công ty TNHH Cao su Eastern	Công ty con	Mua hàng hóa	1.052.606
Chi nhánh Cơ khí – Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	219.789
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.448.356.943</b>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn</i></b>			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai – Chi nhánh Chế biến Hoa quả Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	34.656.199
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	16.152.692

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2018

**27. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 như sau (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VND Số dư</i>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn (tiếp theo)</i></b>			
Chi nhánh Nguyên vật liệu - Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa Dịch vụ	3.321.853 122.943
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	3.120.150
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	1.506.362
Chi nhánh Khách sạn – Công Ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Dịch vụ	428.882
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	69.534
Chi nhánh Cơ khí - Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	16.388
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>59.395.003</b>
<b><i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i></b>			
Công ty TNHH Công nghiệp và nông Nghiệp Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Bán hàng hóa	9.778.015
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Bán hàng hóa	6.965.852
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>16.743.867</b>
<b><i>Phải trả ngắn hạn khác</i></b>			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Cán trừ	78.933.111
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>78.933.111</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2018

**27. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 như sau (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VND Số dư</i>
<b><i>Phải trả dài hạn khác</i></b>			
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cán trừ	695.182.326
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Cán trừ	297.557.265
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>992.739.591</b>
<b><i>Vay ngắn hạn</i></b>			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay ngắn hạn	400.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>400.000.000</b>
<b><i>Vay dài hạn</i></b>			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay dài hạn	2.293.669.804
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>2.293.669.804</b>

**28. ĐIỀU CHỈNH VÀ PHÂN LOẠI LẠI CÁC DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG**

**28.1 Thanh lý Nhóm Công ty Mía đường**

Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 22 tháng 5 năm 2017, giữa Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quốc Tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") và Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa, Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và thỏa thuận ngày 15 tháng 6 năm 2017, HNG cam kết chịu trách nhiệm vô điều kiện và không hủy ngang đối với bất kỳ khoản nợ, phạt, bồi thường, nghĩa vụ tài chính và/hoặc bất kỳ cam kết bảo lãnh, nhận nợ, biện pháp đảm bảo nào khác (dù là hiện hữu chưa được phản ánh hoặc tiềm tàng) mà Nhóm công ty Mía đường có nghĩa vụ thực hiện đối với bất kỳ bên thứ ba (bao gồm cả đối với Chính phủ Lào và/hoặc chính phủ Việt Nam) phát sinh vào và trước ngày 31 tháng 8 năm 2016 nhưng chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất ngày 31 tháng 8 của Nhóm Công ty Mía đường, bao gồm nhưng không bị hạn chế bởi các khoản phải nộp liên quan đến:

- (a) Thuế, phí, lệ phí đối với chuyển lợi nhuận từ Nhóm Công ty Mía đường tại Lào về cho Công ty tại Việt Nam theo quy định pháp luật tại Lào và Việt nam;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2018

**28. ĐIỀU CHỈNH VÀ PHÂN LOẠI LẠI CÁC DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG (tiếp theo)**

**28.1 Thanh lý Nhóm Công ty Mía đường (tiếp theo)**

- (b) Thuế nhà thầu hoặc thuế có tính chất tương tự đối với hoạt động xây dựng, giải phóng mặt bằng liên quan đến nhà máy và vùng nguyên liệu của Nhóm Công ty Mía đường HAGL;
- (c) Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và thuế thu nhập cá nhân của người lao động làm việc tại Nhóm Công ty Mía đường HAGL;
- (d) Thuế giá trị gia tăng liên quan đến giao dịch chuyển nhượng tài sản thuộc hoạt động trồng cỏ và nuôi bò của Nhóm Công ty Mía đường HAGL;
- (e) Các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế khác, các trách nhiệm bồi thường, tố tụng về mặt pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty Mía đường HAGL trước ngày 31 tháng 8 năm 2016.

Sau khi xem xét và tính toán lại các khoản phải nộp cho chính phủ Lào liên quan đến thuế chuyển nhượng cổ tức về Việt Nam và thuế nhà thầu phát sinh trước ngày 31 tháng 8 năm 2016, Công ty quyết định điều chỉnh lại lợi nhuận thanh lý Nhóm công ty Mía đường tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017. Theo đó, các số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ được điều chỉnh như sau:

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ**

	9 tháng năm 2017 (đã được trình bày trước đây)	Ảnh hưởng của việc điều chỉnh lại	Ngàn VNĐ 9 tháng năm 2017 (được trình bày lại)
7. Chi phí tài chính	(411.430.701)	(152.450.400)	(563.881.101)
10. Lợi nhuận thuần từ kết quả hoạt động kinh doanh	111.468.571	(152.450.400)	(40.981.829)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	125.886.076	(152.450.400)	(26.564.324)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	125.886.076	(152.450.400)	(26.564.324)

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ**

	9 tháng năm 2017 (đã được trình bày trước đây)	Ảnh hưởng của Việc điều chỉnh lại	Ngàn VNĐ 9 tháng năm 2017 (được trình bày lại)
1. Tổng lợi nhuận/(lỗ) trước đây	125.886.076	152.450.400	(26.564.324)
5. (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(381.301.139)	152.450.400	(228.850.739)

**28.2 Phân loại lại số dư đầu kỳ**

Trong kỳ, Công ty đã phân loại lại Chi phí lãi vay phải trả từ khoản mục Phải trả ngắn hạn khác sang khoản mục Chi phí phải trả ngắn hạn và từ khoản mục Phải trả dài hạn khác sang khoản mục Chi phí phải trả dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ. Theo đó, số liệu so sánh đầu năm cũng được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2018

**28.2 Phân loại lại số dư đầu kỳ (tiếp theo)**

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 (trình bày trước đây)	Phân loại lại	Ngàn VND	
			Ngày 31 tháng 12 năm 2017 (trình bày lại)	
Chi phí phải trả ngắn hạn	189.610.019	210.928.753	400.538.772	
Phải trả ngắn hạn khác	1.504.320.548	(210.928.753)	1.293.391.795	
Chi phí phải trả dài hạn	-	678.380.824	678.380.824	
Phải trả dài hạn khác	678.380.824	(678.380.824)	-	

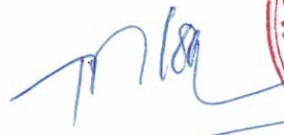
**29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.



Phạm Thị Lưu Ly  
 Người lập

Ngày 30 tháng 10 năm 2018



Hồ Thị Tuyết Loan  
 Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh  
 Giám đốc

